

Số: /BC-SKHCN

Đồng Nai, ngày tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 02/3/2022 của Chính phủ về phát triển kinh tế Khu vực biên giới đất liền giai đoạn 2022-2025

Căn cứ Công văn số 6126/STC-THQH ngày 05/11/2015 của Sở Tài chính về việc phối hợp báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 02/3/2022 của Chính phủ;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 02/3/2022 của Chính phủ như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật, thực hiện các hoạt động truyền thông phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ đã kịp thời triển khai Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 02/3/2022 của Chính phủ đến CBCS, VC của Sở, đồng thời chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết và gắn với việc triển khai thực hiện các nội dung theo Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025;

Từ 2022-2024, phối hợp với Đài Phát thanh Truyền hình và Báo Bình Phước thực hiện chuyên mục Khoa học và Công nghệ nhằm thông tin hoạt động, cung cấp các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, thông qua đó có thể giúp bà con dân tộc thiểu số (DTTS) tiếp cận được thông tin, chính sách về KH&CN thuận tiện hơn. Các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học đã góp phần thay đổi tập quán sản xuất, sinh hoạt và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào, làm thay đổi bộ mặt nông thôn vùng dân tộc và miền núi, cải thiện đời sống của đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Đồng thời, Sở đã lồng ghép vào các Bản tin KH&CN hằng tháng, các hội nghị, hội thảo, các buổi tập huấn thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn để tuyên truyền, vận động người dân tích cực hưởng ứng phong trào ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động dịch vụ công, thực hiện các thủ tục hành chính để từng bước xây dựng nông thôn hiện đại, đô thị thông minh, tiến tới xã hội số, kinh tế số.

2. Hướng dẫn, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục an ninh chính trị ở cơ sở vùng dân tộc thiểu số

Hàng năm, Sở KH&CN có văn bản gửi đến các sở, ngành, đơn vị trong và ngoài tỉnh, đề xuất, đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trên các lĩnh vực, thông qua đó góp phần cung cấp luận chứng, cơ sở khoa học, đưa ra được các giải pháp góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Qua đó, Sở KH&CN luôn bám sát và tham mưu Hội đồng KH&CN, UBND tỉnh ưu tiên lựa chọn các nhiệm vụ khoa học nghiên cứu và xây dựng các chương trình chuyển giao, thực hiện các mô hình trình diễn ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong canh tác và sản xuất nông nghiệp tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Căn cứ vào định hướng, mục tiêu phát triển của tỉnh, nội dung của Chương trình nông thôn miền núi, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và công văn hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở KH&CN ban hành văn bản gửi các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đăng ký danh mục dự án nông thôn miền núi thực hiện năm tiếp theo. Trên cơ sở đề xuất dự án của tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, Sở tổng hợp, tham mưu văn bản trình UBND tỉnh. Trên cơ sở đề xuất của Sở, UBND tỉnh ban hành văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đề xuất danh mục dự án nông thôn miền núi bắt đầu thực hiện của năm tiếp theo.

3. Việc triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống vùng dân tộc thiểu số

Triển khai thực hiện các nội dung theo Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025, Sở KH&CN đã triển khai các hoạt động cụ thể:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các viện, trường thực hiện 01 đề tài KH&CN cấp tỉnh liên quan đến các vấn đề nghiên cứu, xây dựng các mô hình phát triển bền vững ở các vùng dân tộc thiểu số thuộc các huyện biên giới tỉnh Bình Phước, đề tài "*Nghiên cứu, bảo tồn và phát triển nguồn gen các loài trà mi (Camellia sp.) tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập*" góp phần bảo tồn, phát triển nguồn gen, chia sẻ lợi ích từ rừng và cho người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số vùng đệm Vườn Quốc gia Bù Gia Mập.

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các đơn vị, tổ chức khoa học thực hiện 05 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, nhiệm vụ thuộc Chương trình hỗ trợ

ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các huyện biên giới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025, liên quan đến các vấn đề nghiên cứu, chuyển giao các mô hình mang lại hiệu quả trong phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó có 03 nhiệm vụ hỗ trợ đồng bào vùng dân tộc thiểu số và các huyện miền núi, cụ thể như sau:

- Nhiệm vụ: *“Xây dựng và phát triển nhãn hiệu tập thể NHTT) và nhãn hiệu hàng hóa (NHHH) cho các sản phẩm nông sản đặc trưng có thể mạnh của 03 huyện biên giới tỉnh Bình Phước”*, với quy mô cụ thể như sau: Thu thập được các thông tin về tình hình sản xuất, nhu cầu thị trường, xây dựng nhãn hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của các huyện biên giới, cụ thể: Xây dựng thành công 06 NHTT, 06 NHHH cho các sản phẩm nông sản đặc trưng có thể mạnh của các huyện: Bù Đốp, Lộc Ninh, Bù Gia Mập. Tổ chức thành công 3 lớp đào tạo, tập huấn cho 150 lượt người; tổ chức thành công 01 buổi lễ trao Giấy chứng nhận và xây dựng 02 phóng sự giới thiệu cho 12 nhãn hiệu sau khi được công nhận. Nhiệm vụ đang thực hiện, thời gian 2023-2025.

- Nhiệm vụ: *“Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình nông nghiệp thông minh”* đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế- xã hội các huyện biên giới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025, bắt đầu thực hiện năm 2023, đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

- Nhiệm vụ: *“Xây dựng và quản lý nhãn hiệu nhằm từng bước xây dựng thương hiệu một số sản phẩm nông nghiệp của huyện Hớn Quản”*, với quy mô cụ thể như sau - Hoàn thành hồ sơ đơn đăng ký, Giấy chứng nhận đăng ký, Bộ văn bản quản lý và sử dụng, Hệ thống bao bì; phương tiện truyền thông, quảng bá phát triển sản phẩm cho 04 nhãn hiệu: “Gạo An Khương”; “Bưởi da xanh Tân Hiệp”; “Dưa lưới Tân Quan”; “Quý đường Hớn uản”. Nhiệm vụ đang triển khai thực hiện, thời gian 2024-2025.

c) Nhiệm vụ thuộc Chương trình nông thôn miền núi của Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai trên địa bàn tỉnh

Dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, Dự án “Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nuôi dê lai hướng thịt (Boer x Bách Thảo) tại tỉnh Bình Phước”. Dự án đã chuyển giao Dê giống và quy trình trồng cỏ cho 60 hộ dân, trong đó: trên địa bàn huyện Lộc Ninh là 40 hộ và 20 hộ dân trên địa bàn huyện Bù Đăng, với quy mô cụ thể như sau:

- Chuyển giao và tiếp nhận được 6 quy trình kỹ thuật liên quan đến chăn nuôi dê (chăm sóc - nuôi dưỡng dê cái giống Bách Thảo, dê lai Boer x Bách Thảo;

Trồng, chăm sóc và thu hoạch cỏ VA-06, cỏ Sả lá lớn; Chế biến và dự trữ thức ăn cho dê) phù hợp với điều kiện của tỉnh Bình Phước.

- Xây dựng được 01 mô hình nuôi dê lai hướng thịt (Boer x Bách Thảo) thương phẩm cho năng suất thịt cao, tăng trên 15% so với giống dê địa phương.

- Đào tạo được 15 kỹ thuật viên và tập huấn được 100 lượt người dân về kỹ thuật nuôi, chăm sóc, phòng trị bệnh và sản xuất thức ăn cho dê.

- Xây dựng được 02 cơ sở thu mua và giết mổ dê thịt. Hiện nay dự án đang triển khai theo thuyết minh đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

4. Thực hiện tốt công tác quốc phòng - an ninh, an sinh, nâng cao phúc lợi xã hội, giảm nghèo bền vững ở khu vực biên giới

Trong giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đã được địa phương chủ động triển khai với nhiều giải pháp đồng bộ và thiết thực. Trọng tâm là mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ viễn thông băng rộng, đồng thời tăng cường phủ sóng di động và cố định tại các khu vực biên giới – nơi điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, dân cư thưa thớt, hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế.

Địa phương đã phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp viễn thông lớn để đầu tư, xây dựng 50 trạm BTS dọc tuyến biên giới, qua đó nâng đáng kể chất lượng sóng di động, tăng độ phủ băng rộng và đảm bảo dịch vụ liên lạc ổn định phục vụ dân sinh, nhiệm vụ chính trị và an ninh – quốc phòng. Việc mở rộng hạ tầng viễn thông không chỉ giúp người dân tiếp cận tốt hơn với thông tin, giáo dục, dịch vụ công... , mà còn hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý biên giới, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

Song song với đó, chương trình còn đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức, đặc biệt là các nội dung liên quan đến chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp, đổi mới phương thức canh tác, ứng dụng công nghệ thông tin vào đời sống hằng ngày. Nhờ vậy, nhiều hộ gia đình vùng biên đã bước đầu tiếp cận mô hình sản xuất thông minh, thương mại điện tử và các dịch vụ số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Sở KH&CN đã chủ động phối hợp với các viện, trường và các sở, ban, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, qua đó góp phần đưa KH&CN đến gần hơn với người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thông qua triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp cơ sở đã góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và vùng sâu, vùng xa vùng DTTS nói riêng. Qua đó, đã nâng cao nhận thức của người dân về KH&CN, việc áp dụng KH&CN vào đời sống, canh tác ngày càng được phổ biến, nhiều mô hình tiên tiến, kỹ thuật tiến bộ đã được chuyển giao đến người dân, từ đó góp phần

bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống của đồng bào DTTS cũng như tăng năng suất cây trồng, vật nuôi góp phần cải thiện đời sống cho người dân vùng DTTS.

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được thì vẫn còn những tồn tại, hạn chế như:

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật còn một số vướng mắc nhưng chưa kịp thời tháo gỡ nên quá trình triển khai các nhiệm vụ KH&CN còn gặp một số khó khăn, nhất là việc xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN;

- Nguồn lực đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, phát triển hạ tầng viễn thông công ích vùng dân tộc thiểu số và miền núi còn hạn chế; do vậy một số mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất được thử nghiệm hành công và có hiệu quả, nhưng lại chưa có nguồn vốn để nhân rộng, triển khai thực hiện; chưa đáp ứng hết nhu cầu phát triển theo quy mô đề ra.

- Việc tiếp tục duy trì và nhân rộng các mô hình còn khá thấp do đa số các hộ đồng bào dân tộc thiểu số thụ hưởng mô hình đều khá thụ động trong việc tiếp thu và ứng dụng kỹ thuật được hướng dẫn, tương đối ỷ lại vào sự hỗ trợ của cán bộ kỹ thuật triển khai dự án; địa bàn đồng bào DTTS thường ở những vùng sâu, xa, một số phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số còn lạc hậu nên có những khăn trong ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống của đồng bào miền núi; việc triển khai các dự án ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật chủ yếu do các đơn vị ở địa phương đề xuất, tuy nhiên các đơn vị chức năng liên quan đến công tác quản lý nhà nước vùng dân tộc thiểu số và miền núi chưa thực sự chủ động trong việc đề xuất, nên Sở Khoa học và Công nghệ chưa thực sự tiếp cận với nhu cầu ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật của các hộ đồng bào dân tộc.

- Hạ tầng viễn thông ở nhiều khu vực biên giới còn yếu, đặc biệt tại các vùng núi cao, giao thông khó khăn. Chi phí đầu tư lớn trong khi mật độ dân cư thấp khiến doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư ngoài các dự án hỗ trợ. Tiến độ triển khai một số hạng mục còn chậm, do vướng mắc trong giải phóng mặt bằng và điều kiện địa hình phức tạp.

- Nhận thức về chuyển đổi số của một bộ phận người dân còn thấp, dẫn đến việc khai thác các tiện ích viễn thông chưa hiệu quả.

- Sự phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị liên quan đôi lúc chưa đồng bộ, khiến quá trình triển khai các nội dung của Nghị quyết 23/NQ-CP chưa thật sự thông suốt.

Bên cạnh những khó khăn chung về hạ tầng và nguồn lực, quá trình triển khai Nghị quyết số 23/NQ-CP còn gặp các hạn chế xuất phát từ đầu mối của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích, cụ thể:

- Đầu mối của Quỹ chưa bám sát cơ sở, thiếu các đợt khảo sát trực tiếp tại địa phương để nắm tình hình thực tế, dẫn đến việc tham mưu và định hướng triển khai chưa phù hợp với đặc thù vùng biên giới.

- Văn bản, đề xuất và kiến nghị của địa phương gửi lên Quỹ hầu như không nhận được phản hồi, gây khó khăn cho công tác phối hợp, làm chậm tiến độ xử lý hồ sơ và triển khai các hạng mục theo kế hoạch.

- Quỹ chưa xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể cho phát triển viễn thông khu vực biên giới, đặc biệt là cơ chế khuyến khích, ưu tiên đầu tư hoặc hỗ trợ doanh nghiệp lắp đặt trạm BTS tại các vị trí trọng yếu. Việc thiếu khung chính sách riêng cho khu vực này khiến quá trình huy động nguồn lực và triển khai các nhiệm vụ đặc thù chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng.

- Thông tin giữa Quỹ và địa phương chưa được trao đổi thường xuyên, dẫn đến độ trễ trong cập nhật nhu cầu thực tế, đặc biệt liên quan đến vùng lõm sóng, điểm dân cư mới, hoặc các yêu cầu phục vụ nhiệm vụ quốc phòng – an ninh.

Những hạn chế trên là một trong những nguyên nhân chính khiến việc triển khai các nhiệm vụ viễn thông công ích tại khu vực biên giới chưa đồng bộ, chưa khai thác hết tiềm năng hạ tầng đã đầu tư và chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin của người dân cũng như lực lượng chức năng đang làm nhiệm vụ.

Trên đây là nội dung báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 02/3/2022 của Chính phủ về phát triển kinh tế Khu vực biên giới đất liền giai đoạn 2022-2025 của Sở Khoa học và Công nghệ, kính gửi Sở Tài chính để tổng hợp./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
 - Ban Giám đốc Sở;
 - Lưu: VT, VP.
- VPHanhNN-BCKTbiengioi/3b

Phạm Văn Trinh